

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo : 2007

Tên công ty đại chúng : CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SÓC TRĂNG

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng:

+ Việc thành lập : Công ty cổ phần thủy sản Sóc Trăng được chuyển đổi từ Công ty thủy sản xuất nhập khẩu tổng hợp Sóc Trăng và chính thức hoạt động theo hình thức cổ phần từ ngày 01/06/2006.

+ Các sự kiện khác : Đăng ký trở thành Công ty đại chúng từ ngày 30/06/2007. Cổ phiếu Công ty chưa niêm yết.

2. Quá trình phát triển

+ Ngành nghề kinh doanh :

- Sản xuất và kinh doanh các mặt hàng thủy sản đông lạnh xuất khẩu và tiêu thụ nội địa , kinh doanh một số mặt hàng nông súc sản ;

- Nhập khẩu nguyên nhiên vật liệu, vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất và một số mặt hàng tiêu dùng thiết yếu ;

- Nuôi trồng thủy sản, kinh doanh các mặt hàng phục vụ nuôi trồng thủy sản, vận tải hàng hóa đường bộ ; Dệt may công nghiệp;

- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, siêu thị ;

- Kinh doanh các mặt hàng, ngành nghề khác trong phạm vi đăng ký phù hợp với qui định của pháp luật và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

+ Tình hình hoạt động qua các năm :

| | Năm 2005 | Năm 2006 | Năm 2007 |
|--|-----------------|-----------------|-----------------|
| - Sản lượng TP (tấn) : | 4.200 | 5050 | 6.467 |
| - Kim ngạch xuất (tr. USD) : | 42 | 56 | 62 |
| - Lợi nhuận (tỉ đồng) : | 3,5 | 11 | 25,26 |
| - Lao động (người) : | 2000 | 2.250 | 2.899 |
| - Tiền lương bình quân : (đồng/người/tháng) | 1.400 | 1.500 | 1.600 |

3. Định hướng phát triển

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty :

Mục tiêu của Công ty là huy động và sử dụng đồng vốn có hiệu quả nhất, không ngừng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao tính cạnh tranh, đạt tỉ suất lợi nhuận tối ưu, nâng cao đời sống của người lao động trong Công ty, đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn :

- Nâng cao tỉ trọng các mặt hàng có giá trị gia tăng tại hai xí nghiệp chế biến tôm.
- Đầu tư xây dựng khu thương mại dịch vụ tại 61B Lê Lợi, phường 6, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Xây dựng nhà máy chế biến cá tại cụm công nghiệp Cái Côn, Huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.
- Niêm yết cổ phiếu Công ty tại Sở giao dịch chứng khoán TP HCM để huy động vốn đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị

Công ty đã hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận năm 2007, đạt 25,26 tỉ đồng, tăng 158% so với năm 2006. Các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu đều tăng trên 10% so với năm 2006. Đến cuối năm 2007, tình hình tài chính của Công ty ổn định, nguồn vốn lưu động luôn đáp ứng đủ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh.

Quý 3 năm 2007 Công ty đã đưa nhà máy mới tại khu công nghiệp An Nghiệp vào hoạt động, với trang thiết bị hiện đại, đạt tiêu chuẩn và đáp ứng đầy đủ các điều kiện về an toàn vệ sinh thực phẩm của các nước nhập khẩu .

Năm 2007, công ty tiếp tục tham gia các hội chợ quốc tế trong và ngoài nước, tăng cường công tác quảng bá hình ảnh công ty trên các phương tiện thông tin như báo, đài, tạp chí và mạng internet... Công ty cũng đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng và tìm được 5 khách hàng mới. Mặt hàng giá trị gia tăng tăng lên 22%. Riêng mặt hàng tôm bột và Sushi tăng 237%. Nhờ công tác đánh giá khách hàng nghiêm túc và tin cậy cùng với nắm bắt thông tin kịp thời từng thị trường mà công ty có chính sách chất lượng và giá cả phù hợp từng khách hàng, mặt hàng và từng thời điểm, góp phần duy trì hiệu quả cho công ty và đối tác.

III. Báo cáo của Ban giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán : Bảng chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2007 (kèm theo) .

- Tổng giá trị tài sản tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo : 448,52 tỉ đồng

- Những thay đổi về vốn điều lệ: đầu năm : 55 tỉ đồng, cuối năm : 62 tỉ đồng

- Tổng số cổ phiếu : 6.200.000 CP. Trong đó : cổ phiếu phổ thông : 5.930.500 CP; cổ phiếu quỹ : 269.500 CP

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 5.930.500 CP

- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ : 269.500 CP

- Cổ tức chia cho các thành viên góp vốn : 2.000 đồng/CP

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2007, Lợi nhuận của Công ty đạt 25,26 tỉ đồng, đạt 100% kế hoạch đề ra và tăng 158% so với năm 2006. Đạt được kết quả trên là do Công ty không ngừng củng cố, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng tỉ trọng các mặt hàng có giá trị gia tăng. Bên cạnh đó Công ty không ngừng tìm kiếm khách hàng mới, đồng thời liên tục cải tiến tổ chức quản lý sản xuất, đổi mới trang thiết bị, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của khách hàng.

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

3.1 Công tác thị trường :

Công ty cũng đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng và tìm được 5 khách hàng mới. Mặt hàng giá trị gia tăng tăng lên 22%. Riêng mặt hàng tôm bột và Sushi tăng 237%. Nhờ công tác đánh giá khách hàng chính xác cùng với nắm bắt thông tin kịp thời từng thị trường mà công ty có chính sách chất lượng và giá cả phù hợp từng khách hàng, mặt hàng và từng thời điểm, góp phần duy trì hiệu quả trong quá trình hoạt động .

3.2 Thu mua nguyên liệu – đầu tư nuôi :

Chú trọng công tác điều tra tình hình vùng nuôi tôm, theo dõi diễn biến thị trường nguyên liệu và có chính sách hỗ trợ vốn, phương tiện, chăm sóc khách hàng bên cạnh giá cả linh động, hợp lí từng thời điểm đã góp phần tăng sản lượng nguyên liệu đáng kể cho sản xuất. Góp phần làm nên kết quả trên, một yếu tố quan trọng đó là công tác đầu tư cho người nuôi của công ty. Nhờ sự nỗ lực trong chọn lựa đối tác và hỗ trợ tư vấn người nuôi trên nhiều lĩnh vực, bên cạnh uy tín của đơn vị, năng lực tài chính, giá thức ăn, vật tư hợp lí, năm 2007 công ty đã đầu tư trên 400 ha với tổng giá trị đầu tư trên 87 tỉ đồng và thu mua được 2.144 tấn nguyên liệu cho sản xuất.

3.3 Hoạt động sản xuất :

Mặc dù nhà máy An Phú đưa vào hoạt động chậm tiến độ, tình hình nhân sự biến động ngay trong mùa vụ do tách nhân sự cho nhà máy mới nhưng sản lượng sản xuất đạt khá cao, tăng 29% so với năm 2006.

Trong đó, điểm nổi bật nhất là liên tiếp 2 năm liền không xảy ra sự cố lớn trong vụ chính nhờ công tác bảo trì máy móc, thiết bị, nhà xưởng được quan tâm đúng mức.

Kể đến, nhờ cải tiến và duy trì các chương trình quản lý chất lượng, cải tiến phương thức điều hành bộ máy kỹ thuật và ứng dụng tiến bộ công nghệ mới, công tác quản lý chất lượng đáp ứng được yêu cầu phát triển mặt hàng mới, duy trì được chất lượng sản phẩm.

Công tác điều hành hai Xí nghiệp có tiến bộ hơn năm 2006. Đặc biệt cán bộ làm việc có kế hoạch, phối hợp chặt chẽ và linh hoạt hơn.

3.4 Công tác kế toán – tài vụ :

Phòng kế toán thường xuyên theo dõi và phán đoán tình hình biến động tiền tệ và có giải pháp linh hoạt. Tranh thủ nguồn vốn chi phí thấp và đáp ứng đủ vốn cho sản xuất thu mua đặc biệt vào mùa vụ chính. Ngoài ra bộ phận kế toán đề xuất cải tiến các chính sách lương, thưởng ... và đổi mới hệ thống thông tin. Kế toán thống kê đáp ứng thông tin chính xác, nhanh cho hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh.

3.5 Công tác tổ chức hành chính :

Trong năm công ty đã tiến hành điều chỉnh tăng lương nhiều đợt cho cán bộ và công nhân. Cải tiến đơn giá tiền lương cho từng công đoạn phù hợp với tính chất và thời gian lao động.

Đơn vị cũng tiến hành xây dựng lại tiêu chuẩn cán bộ từ cấp tổ đội trưởng đến điều hành và cán bộ kỹ thuật tương đương. Đồng thời tinh giản bộ máy điều hành cấp trung kết hợp với chia tách đội ngũ cán bộ cho nhà máy An Phú theo hướng gọn nhẹ và linh hoạt.

Trong năm 2007, Công ty đã nhận thêm được 1.600 lao động, trong đó 743 lao động có tay nghề (có 28 trung cấp và 06 đại học). Mặt khác mở được 10 lớp tập huấn cho công nhân và cán bộ.

Ngoài ra, nhiệm vụ duy trì công tác phòng cháy chữa cháy, đảm bảo trật tự an ninh, an toàn lao động được thực hiện tốt và bữa ăn, sức khoẻ cho công nhân trong phạm vi công ty cũng được quan tâm đúng mức.

3.6 Công tác đầu tư XD CB :

Hoàn thành cơ bản xây dựng nhà máy đông lạnh An Phú đưa vào hoạt động tháng 8 năm 2007. Sản lượng sản xuất trong 5 tháng cuối năm của nhà máy là 1.425 tấn.

Đang tiến hành giải phóng mặt bằng cho nhà máy chế biến cá Ba Sa tại khu công nghiệp Cái Côn. Chi phí cho giải phóng mặt bằng dự kiến 18 tỉ đồng, đã giải ngân được 12,6 tỉ đồng.

Trong tháng 12 cũng đã nghiệm thu xong nhà máy xử lí nước thải tại xí nghiệp Tân Long – Phát Đạt và đưa vào hoạt động.

Công ty đã được nhà nước giao lại lô đất tại 61B Lê Lợi với giá 13,6 tỉ đồng chuẩn bị cho công tác đầu tư những năm tới.

Ngoài ra trong năm công ty còn đổi mới cải tiến thiết bị để duy trì sản xuất kinh doanh, với kinh phí tổng cộng 4,6 tỉ đồng.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

- Tiếp tục tăng cường và duy trì sức cạnh tranh của công ty trên cơ sở củng cố nguồn nhân lực và cải tiến, đổi mới sâu rộng các yếu tố và quan hệ của quá trình sản xuất kinh doanh. Đồng thời xây dựng cơ sở cho sự phát triển doanh nghiệp bền vững trong những năm tiếp theo.

- Một số chỉ tiêu cụ thể năm 2008 :

| | | |
|------------------------|---|-------------------------|
| + Sản lượng thành phẩm | : | 7.000 tấn |
| + Kim ngạch xuất khẩu | : | 70.000.000 USD |
| + Lợi nhuận | : | 25 tỉ đồng |
| + Thu nhập bình quân | : | 1.700.000 đ/người/tháng |
| + Đầu tư nuôi tôm | : | 550 ha |

IV. Báo cáo tài chính 2007 :

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán.

I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| Stt | Nội dung | Số dư đầu kỳ | Số dư cuối kỳ |
|----------|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
| I | Tài sản ngắn hạn | 232,918,901,037 | 332,697,751,769 |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 26,137,711,911 | 1,236,726,392 |
| 2 | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | - | - |
| 3 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 88,694,815,174 | 115,622,054,794 |
| 4 | Hàng tồn kho | 109,913,442,746 | 206,638,089,766 |

| | | | |
|------------|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
| 5 | Tài sản ngắn hạn khác | 8,172,931,206 | 9,200,880,817 |
| II | Tài sản dài hạn | 47,166,984,049 | 115,829,796,706 |
| 1 | Các khoản phải thu dài hạn | - | - |
| 2 | Tài sản cố định | 42,161,984,049 | 109,212,276,483 |
| | - Tài sản cố định hữu hình | 39,311,258,236 | 80,211,867,443 |
| | - Tài sản cố định vô hình | 371,118,679 | 15,064,175,769 |
| | - Tài sản cố định thuê tài chính | - | - |
| | - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 2,479,607,134 | 13,936,233,271 |
| 3 | Bất động sản đầu tư | - | - |
| 4 | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 5,005,000,000 | 5,005,000,000 |
| 5 | Tài sản dài hạn khác | - | 1,612,520,223 |
| III | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 280,085,885,086 | 448,527,548,475 |
| IV | Nợ phải trả | 213,883,321,025 | 361,647,949,899 |
| 1 | Nợ ngắn hạn | 185,325,594,701 | 291,062,053,269 |
| 2 | Nợ dài hạn | 28,557,726,324 | 70,585,896,630 |
| V | Vốn chủ sở hữu | 66,202,564,061 | 86,879,598,576 |
| 1 | Vốn chủ sở hữu | 65,896,950,853 | 86,789,171,569 |
| | - Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 55,000,000,000 | 62,000,000,000 |
| | - Thặng dư vốn cổ phần | - | - |
| | - Vốn khác của chủ sở hữu | - | - |
| | - Cổ phiếu quỹ | - | (2,695,000,000) |
| | - Chênh lệch đánh giá lại tài sản | - | - |
| | - Chênh lệch tỷ giá hối đoái | - | - |
| | - Quỹ đầu tư phát triển | - | 1,664,542,628 |
| | - Quỹ dự phòng tài chính | - | 554,847,543 |
| Stt | Nội dung | Số dư đầu kỳ | Số dư cuối kỳ |
| | - Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | - | - |
| | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 10,896,950,853 | 25,264,781,398 |
| | - Nguồn vốn đầu tư XDCB | - | - |
| 2 | Nguồn kinh phí và quỹ khác | 305,613,208 | 90,427,007 |
| | - Quỹ khen thưởng phúc lợi | 305,613,208 | 90,427,007 |
| | - Nguồn kinh phí | - | - |
| | - Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | - | - |
| VI | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 280,085,885,086 | 448,527,548,475 |

II.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

| Stt | Chỉ tiêu | Kỳ báo cáo | Luỹ kế |
|------------|---|-------------------|-------------------|
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1,075,789,059,189 | 1,075,789,059,189 |
| 2 | Các khoản giảm trừ doanh thu | - | - |
| 3 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1,075,789,059,189 | 1,075,789,059,189 |
| 4 | Giá vốn hàng bán | 1,007,729,811,115 | 1,007,729,811,115 |
| 5 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 68,059,248,074 | 68,059,248,074 |
| 6 | Doanh thu hoạt động tài chính | 7,753,868,518 | 7,753,868,518 |
| 7 | Chi phí tài chính | 11,438,865,236 | 11,438,865,236 |
| 8 | Chi phí bán hàng | 31,346,847,324 | 31,346,847,324 |
| 9 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 8,692,185,035 | 8,692,185,035 |
| 10 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 24,335,218,997 | 24,335,218,997 |
| 11 | Thu nhập khác | 988,062,401 | 988,062,401 |
| 12 | Chi phí khác | 58,500,000 | 58,500,000 |
| 13 | Lợi nhuận khác | 929,562,401 | 929,562,401 |
| 14 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 25,264,781,398 | 25,264,781,398 |
| 15 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | - |
| 16 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 25,264,781,398 | 25,264,781,398 |
| 17 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 4,421 | 4,421 |
| 18 | Cổ tức trên mỗi cổ phiếu | 2.000 đ | 2.000 đ |

V. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN 2007

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kỳ trước | Kỳ báo cáo |
|-----|---|-------------|----------|------------|
| 1 | Cơ cấu tài sản | | | |
| | - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản | % | 16.84 | 25.82 |
| | - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | | 83.16 | 74.18 |
| 2 | Cơ cấu nguồn vốn | | | |
| | - Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn | % | 76.36 | 80.63 |
| | - Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn | | 23.64 | 19.37 |
| 3 | Khả năng thanh toán | | | |
| | - Khả năng thanh toán nhanh | Lần | 0.14 | 0.004 |
| | - Khả năng thanh toán hiện hành | | 1.31 | 1.24 |
| 4 | Tỷ suất lợi nhuận | | | |
| | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | | 3.48 | 5.63 |
| | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 3.48 | 2.35 |
| | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu | | 14.74 | 29.08 |

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập : Công ty kiểm toán và dịch vụ tin học (AISC)
- Ý kiến kiểm toán độc lập : đồng ý với báo cáo tài chính của Công ty lập.
- Các nhận xét đặc biệt (thư quản lý) : Không

2. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến kiểm toán nội bộ : /

VI. Các công ty có liên quan

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của STAPIMEX : không
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần do STAPIMEX nắm giữ : không

VII. Tổ chức và nhân sự

1- Cơ cấu tổ chức của công ty .

Bộ máy quản lý Công ty bao gồm :

* Hội đồng quản trị , gồm 5 thành viên :

- Trần Văn Phẩm : Chủ tịch

- Tạ Văn Vững : Phó chủ tịch
- Hà Hữu Tri : thành viên
- Nguyễn Văn Mạg : thành viên
- Phạm Thanh Phong : thành viên

* Ban Tổng giám đốc, gồm 3 thành viên :

- Trần Văn Phẩm : Tổng giám đốc
- Hà Hữu Tri : Phó tổng giám đốc
- Nguyễn Văn Mạg : Phó tổng giám đốc

* Các phòng và Xí nghiệp , bao gồm :

- Phòng Kinh doanh
- Phòng Kế toán tài vụ
- Phòng tổ chức hành chánh
- Phòng Đầu tư nuôi trồng thủy sản
- Phòng Kỹ thuật
- 02 xí nghiệp chế biến tôm xuất khẩu .

2 Cơ cấu cổ đông công ty, bao gồm : (đến 31/12/2007)

* **Tổng số cổ đông công ty là : 207 cổ đông, nắm giữ 5.930.500 CP**

Trong đó : Tổ chức : 07 cổ đông, nắm giữ 4.319.480 cổ phần

Cá nhân : 200 cổ đông, nắm giữ 1.611.020 cổ phần

- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong HĐQT, Ban điều hành

| STT | Họ Tên | Năm sinh | Trình độ | Kinh nghiệm công tác | Chức vụ HĐQT | Quản lý |
|-----|------------------|----------|-----------------------|--------------------------|-----------------|----------------|
| 1 | Trần Văn Phẩm | 1967 | Thạc sỹ quản trị KD | Làm việc tại Cty từ 1990 | Chủ tịch HĐQT | Tổng giám đốc |
| 2 | Tạ Văn Vững | 1971 | Thạc sỹ quản trị KD | Làm việc tại Cty từ 1993 | P.Chủ tịch HĐQT | Kế toán trưởng |
| 3 | Hà Hữu Tri | 1959 | Cử nhân QTKD | Làm việc tại Cty từ 1977 | Thành viên HĐQT | Phó TGD |
| 4 | Nguyễn Văn Mạg | 1967 | KS Hoá, cử nhân Luật | Làm việc tại Cty từ 1994 | Thành viên HĐQT | Phó TGD |
| 5 | Phạm Thanh Phong | 1961 | TC Quản lý hành chánh | Làm việc tại Cty từ 1984 | Thành viên HĐQT | P. phòng TCHC |

- Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm : *không*

- Số lượng cán bộ, nhân viên : 2.899 người, trong đó thời vụ : 1.859 người

- Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng : *không*

VIII. Thông tin cổ đông và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát :

- Hoạt động của HĐQT: (Kèm báo cáo hoạt động của HĐQT)

- Hoạt động của Ban kiểm soát : (Kèm báo cáo hoạt động của BKS)

- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty : thường xuyên cải tiến công tác quản lý, không ngừng đào tạo và nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý Công ty, bên cạnh đó luôn chú trọng công tác tuyển dụng lực lượng lao động có trình độ cao. Công ty không ngừng cải tiến và hoàn thiện các qui trình quản lý, phân công phân nhiệm rõ ràng kết hợp với việc nâng cấp hệ thống cung cấp thông tin, kiểm soát chặt chẽ quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hệ thống quản lý tài chính.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông :

2.1. Cổ đông góp vốn trong nước

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông góp vốn trong nước :

Tổng số cổ đông công ty là : 207 cổ đông, nắm giữ 5.930.500 CP

Trong đó : Tổ chức : 07 cổ đông, nắm giữ 4.319.480 cổ phần

Cá nhân : 200 cổ đông, nắm giữ 1.611.020 cổ phần

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn, ngành nghề hoạt động, số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu trong công ty:

* Nhà nước nắm giữ : 2.695.000 CP , chiếm 43,4% vốn điều lệ .

* Ngân hàng Sacombank : nắm giữ 660.000 CP, chiếm 10,6% vốn điều lệ

* Quỹ đầu tư VFM : nắm giữ 660.000 CP, chiếm 10,6% vốn điều lệ

2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài : Không có

Công ty cổ phần thủy sản Sóc Trăng xin công bố kết quả hoạt động kinh doanh năm 2007 và định hướng kinh doanh trong thời gian tới đến toàn bộ quý cổ đông và khách hàng, Công ty rất mong được sự góp ý của tất cả cổ đông để giúp Hội đồng quản trị, Ban điều hành triển khai thực hiện sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

TRẦN VĂN PHẨM

